

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm nấm, nông sản theo quy mô công nghiệp tại thôn Mạc Xá, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH sản xuất thương mại - dịch vụ Huy Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1334/STNMT-CCBVMT ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm nấm, nông sản theo quy mô công nghiệp tại thôn Mạc Xá, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH sản xuất thương mại - dịch vụ Huy Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 480/TTr-TNMT ngày 28 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm nấm, nông sản theo quy mô công nghiệp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH sản xuất thương mại - dịch vụ Huy Dương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Mạc Xá, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01

năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH SXTM - DV Huy Dương;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Quang Phục;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm nấm, nông sản theo quy mô
công nghiệp tại thôn Mạc Xá, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải
Dương của Công ty TNHH sản xuất thương mại - dịch vụ Huy Dương
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm nấm, nông sản theo quy mô công nghiệp.

- Địa điểm thực hiện: thôn Mạc Xá, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Chủ dự án: Công ty TNHH sản xuất thương mại - dịch vụ Huy Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Quy mô sử dụng đất của dự án là 22.367m² thuộc thôn Mạc Xá, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Công suất của dự án:

+ Chế biến hàng nông sản (khoai tây, cà rốt, bắp cải, hành, tỏi): 2.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Chế biến nấm: 80 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình sơ chế cà rốt, khoai tây:

Cà rốt, khoai tây → Phân loại, làm sạch → Đóng gói → Lưu kho lạnh → Phục vụ cho quy trình cấp đông và chế biến nông sản

- Quy trình sơ chế, bảo quản bắp cải:

Bắp cải → Phân loại, bỏ lá ngoài → Đóng gói → Lưu kho lạnh → Phục vụ cho quy trình cấp đông và chế biến nông sản

- Quy trình sơ chế, bảo quản hành tỏi:

Hành, tỏi → Phân loại, làm sạch → Đóng gói → Lưu kho → Phục vụ cho quy trình cấp đông và chế biến nông sản

- Quy trình cấp đông nông sản:

Nông sản đã sơ chế (Khoai tây, cà rốt, bắp cải, hành, tỏi) → Gọt vỏ, thái nhỏ → Khử trùng (bằng hơi nước) → Làm nguội → Làm lạnh → Làm khô → Đóng gói → Cấp đông → Xuất hàng

- Quy trình chế biến hành, tỏi sấy:

Hành, tỏi đã sơ chế → Cắt lát → Sấy khô → Đóng gói → Lưu kho → Xuất hàng.

- Quy trình chế biến cà rốt, bắp cải, khoai tây sấy:

Cà rốt, khoai tây, bắp cải đã sơ chế → Bỏ vỏ, cắt lát → Làm chín (bằng hơi nước) → Sấy khô → Đóng gói → Lưu kho → Xuất hàng.

- Quy trình chế biến nấm:

Nấm → phân loại, cắt sửa → Xếp khay → Sấy nấm → Đóng gói → Nhập kho → Xuất hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình xây dựng:

+ Hạng mục công trình chính: Xưởng sơ chế, chế biến nông sản và trưng bày sản phẩm số 1 (280 m²); xưởng sơ chế, chế biến nông sản và nhà trưng bày sản phẩm số 2 (140 m²); xưởng sơ chế, chế biến nông sản và nhà trưng bày sản phẩm số 3 (150 m²); xưởng chế biến nấm và nhà trưng bày sản phẩm số 4 (240 m²); kho chứa nguyên vật liệu (4.572,54 m²); kho chứa nguyên vật liệu (4.572,54 m²); nhà lò hơi (50 m²); nhà lò hấp (50 m²).

+ Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ (9 m²); mái nối giữa 2 nhà xưởng (165,6 m²); nhà điều hành + nhà xe (550 m²); nhà văn phòng + nhà ăn (550 m²); cây xanh + hồ nước (3.769,44 m²); đường giao thông nội bộ (1.983,88m²).

+ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: nhà vệ sinh (100 m²); bể xử lý nước thải xây ngầm (30 m²); kho chứa chất thải rắn (bố trí trong xưởng chế biến nấm và nhà trưng bày sản phẩm số 4) (100 m²); kho chứa chất thải rắn (bố trí trong xưởng sơ chế, chế biến nông sản và trưng bày sản phẩm số 1) (100 m²); kho chứa CTNH (bố trí trong xưởng sơ chế, chế biến nông sản và trưng bày sản phẩm số 1) (10 m²).

- Thiết bị sản xuất chính của Dự án: 02 máy rửa; 01 dây chuyền sơ chế; 01 hệ thống kho lạnh 3,5HP; 01 hệ thống sấy điện 1,5 tấn/h; 01 hệ thống đóng gói; lò hơi đốt than 2,5 tấn/h.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng của dự án:

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, chất thải, máy móc thiết bị.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Hoạt động lắp đặt thiết bị sản xuất, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

+ Hoạt động của công nhân tham gia xây dựng, lắp đặt thiết bị.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

+ Hoạt động sản xuất.

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.

+ Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước 02 vụ khoảng 20.496 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất: Hoạt động sơ chế, rửa nông sản phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường, nước thải; Hoạt động của lò hơi, máy sấy phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải; sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện.

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, CTNH, bùn thải từ bể phốt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là

0,225 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Khối lượng phát sinh 1,5 m³/ngày. Thành phần chính là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 0,48 m³/ngày. Thành phần của nước thải chủ yếu chứa đất, cát, dầu mỡ.

- Tác động do nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ,... nồng độ ô nhiễm thấp.

b) Giai đoạn vận hành

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân là 1,89 m³/ngày, nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa chân tay, vệ sinh của khách hàng là 0,03 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

- Nước thải phục vụ sơ chế, làm chín nông sản phát sinh theo mùa vụ thu hoạch nông sản trong năm, trong đó: tháng 01 phát sinh lớn nhất với lượng khoảng 3060,73 m³/tháng (tương đương 118 m³/ngày); tháng 4, tháng 5 phát sinh ít nhất với lượng khoảng 396,3 m³/tháng (tương đương 15,24 m³/ngày); các tháng còn lại trung bình khoảng 664,44 m³/tháng (tương đương 22,15 m³/ngày). Tính chất nước thải sản xuất chủ yếu chứa đất, đá, lá cây, rễ cây và nông sản thối hỏng,....

- Nước thải dập bụi lò hơi: Phát sinh khoảng 5 m³/03 tháng (tương đương 0,06 m³/ngày), được tuần hoàn sử dụng cho quá trình dập bụi, định kỳ 03 tháng/lần tiến hành vệ sinh bể chứa thay nước mới và thải bỏ nước cũ. Nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130 m³/ngày đêm.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi: Thành phần phát sinh chủ yếu là bụi, CO, SO₂, Nox, VOC. Tải lượng SO₂: 835,29 mg/Nm³, CO: 981,012 mg/Nm³, NO_x: 254,85 mg/Nm³, bụi: 1206,19 mg/Nm³.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: thành phần chủ yếu là NH_3 , H_2S , mecaptan,... phát sinh từ các bể xử lý (bể gom, bể thiếu khí, bể hiếu khí).

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng và hoạt động nấu ăn: Phát sinh không đáng kể.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ khoảng: 4,46 tấn.

- Chất thải từ hoạt động bóc tầng hữu cơ bề mặt khoảng: 4.659,6 m³.

- Chất thải xây dựng gồm đầu mẩu sắt thép, dây thép, tôn, gỗ vụn, gạch, đá... phát sinh chủ yếu do hao hụt, rơi vãi, hỏng hóc, khối lượng khoảng 0,395 - 7,7 tấn/ngày.

- Chất thải rắn trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị gồm bao bì carton, nilon, thùng xốp... khối lượng khoảng 20 kg.

- Chất thải sinh hoạt: Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thực phẩm, bao bì, vỏ chai,... Khối lượng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng là 15 kg/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 1,5 kg/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sản xuất: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 430.346 kg/năm, gồm: lá cây, rễ cây, vỏ hành, tỏi, khoai tây... 383.330 kg/năm; chân nấm, nấm hỏng: 8.420 kg/năm; cà rốt, hành tỏi, khoai tây, nấm, bắp cải tồn kho: 2.000 kg/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bể phốt, bể lắng hệ thống thoát nước mưa, nước thải 30.000 kg/năm; bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải 300 kg/năm; giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ 600 kg/năm; giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại: 36 kg/năm; xỉ phát sinh từ quá trình đốt lò hơi: 5.460 kg/năm; than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý mùi: 200 kg/năm; bụi bần trong quá trình vệ sinh sân đường, kho chứa: 620 kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 4,9 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị với khối lượng khoảng 20,93 kg/tháng, gồm: dầu thải (11,08 kg/tháng); gang tay, giẻ lau dính dầu (1,97 kg/tháng); bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng (0,51 kg/tháng); kim loại thải, ốc quy hỏng (1,95 kg/tháng); xỉ hàn (2,82 kg/tháng); vỏ thùng sơn (2,6 kg/tháng).

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 241,34 kg/năm, gồm: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (100 kg/năm); bóng đèn huỳnh quang thải (2,0 kg/năm); bao bì kim loại cứng chứa thành phần nguy hại thải (5,0 kg/năm); pin, ắc quy thải (01 kg/năm); giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (60 kg/năm); cặn lắng nước thải đập bụi lò hơi (73,34 kg/năm).

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông ra, vào dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực dự án.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất của Dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố các công trình xử lý nước thải, khí thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom bằng 03 nhà vệ sinh lưu động, dung tích 1 m³/nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí 01 hố ga lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Nước thải rửa xe: Xây dựng 02 hố ga (kích thước B x L x H = 2 m x 2 m x 1,2 m và 2 m x 1 m x 1 m). Nước được thu gom, lắng cặn và vớt váng dầu tại hố ga lớn dung tích 4,8 m³ sau đó bơm sang hố ga nhỏ. Hố ga nhỏ dung tích 2 m³ để làm hố bơm, đơn vị thi công sử dụng bơm để bơm hút nước thoát ra hệ thống thoát nước thải thi công chung. Dầu mỡ thu được xử lý cùng với các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công.

- Nước thải thi công: Tạo rãnh thoát nước, bố trí 02 hố ga, kích thước 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m để lắng cặn; định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước.

b) Giai đoạn vận hành

- Thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng 02 bể tự hoại (mỗi bể có dung tích 10,5 m³ đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh công nhân và nhà vệ sinh khu nhà văn phòng); nước thải khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ kích thước 2 m x 2 m x 1 m; nước thải từ nhà vệ sinh theo đường ống PVC D140 chiều dài 30 m và nước thải khu vực nhà ăn theo đường ống PVC D200 chiều dài 190 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130 m³/ngày.đêm.

- Nước thải dập bụi lò hơi: Nước thải dập bụi lò hơi được thu gom vào bể chứa dung tích 10 m³ đặt ngầm gần khu vực lò hơi; sử dụng PAC để xử lý sơ bộ nước thải dập bụi lò hơi với định mức 6g PAC cho 1 m³ nước. Nước sau xử lý sơ bộ được thu gom vào đường ống PVC D70 chiều dài 100m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130 m³/ngày.đêm.

- Thu gom nước thải sản xuất: Nước thải từ các khu vực sơ chế, làm chín nông sản được thu gom vào đường ống PVC D200 tổng chiều dài 300m về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý thoát ra mương phía Tây Tây Nam dự án bằng đường ống PVC D200 chiều dài 110 m qua 01 điếm xả.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130 m³/ngày.đêm:

Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Kênh thoát nước cạnh đường 391.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý bảo đảm đạt yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và đạt giá trị C_{max} (với K = 1,2) của QCVN 14:2008/BTNMT, áp dụng mức A và giá trị C_{max} (với K_q = 0,9, K_f = 1,2) của QCVN 40:2011/BTNMT, áp dụng mức A trước khi thải ra kênh thoát nước cạnh đường 391.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 2-3 m xung quanh khu đất thực hiện dự án; lắp đặt cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe, gôm xe hạn chế bụi phát sinh ra môi trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông: Định kỳ quét dọn và phun ẩm quãng đường xe di chuyển trong khu vực Công ty nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh với tần suất ít nhất 01 lần/ngày; bê tông hoá các tuyến đường chính; trồng cây xung quanh khu vực dự án.

- Biện pháp thông thoáng nhà xưởng: Lắp đặt 20 quạt thông gió, lưu lượng gió: 78 m³/h; 20 quạt công nghiệp, tốc độ quay của cánh: 1.400 vòng/phút.

- Giảm thiểu mùi, khí thải lò hơi đốt than:

+ Quy trình xử lý: Khí thải lò hơi → Cyclon → Tháp khử bụi ướt (dung dịch Ca(OH)₂) → Ống khói → Môi trường.

+ Thông số kỹ thuật: Cyclon đường kính 1m, chiều cao 3m; tháp khử bụi ướt: V=3 m³/tháp; bể chứa nước tuần hoàn: V= 5 m³/bể; ống khói: đường kính 0,9m, chiều cao 15m.

+ Quy chuẩn so sánh: Bụi và khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Giảm thiểu khí thải từ quá trình sấy hành, tỏi:

+ Quy trình xử lý: Khí thải lò sấy → Chụp hút → Quạt hút → Tấm lọc than hoạt tính → Ống thải → Môi trường.

+ Quy chuẩn so sánh: Bụi, khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Thông số kỹ thuật: Quạt hút: Q = 4.000 m³/h; ống phóng không cao 4 m so với mặt đất, đường kính 0,2 m; 02 tấm lọc than hoạt tính kích thước 0,18mx0,18mx0,18m.

- Khí thải từ máy phát điện: đặt trong khu vực có diện tích phù hợp với công suất của máy phát, có cửa thông gió và quạt thông gió.

- Khí thải từ khu vực nhà bếp: Lắp đặt hệ thống chụp hút và ống khói để

hút toàn bộ mùi và khí phát sinh ra bên ngoài. Quạt hút: $Q = 2.000 \text{ m}^3/\text{h}$; ống phóng không cao 4 m so với mặt đất, đường kính 0,2 m.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn do phát quang thăm thực vật: Khuyến khích các hộ dân thu hoạch lúa, hoa màu trước khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất để tránh lãng phí cũng như giảm thiểu khối lượng sinh khối cần loại bỏ.

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án, lượng đất thừa được cho các hộ dân xung quanh để phục vụ mục đích canh tác nông nghiệp.

- Chất thải xây dựng: Gạch vụn, vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom dùng cho san lấp mặt bằng; vỏ bao xi măng, sắt thép thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn, hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị: Thùng gỗ, bao bì carton, nilon,... được thu gom vào thùng chứa bằng nhựa và bán cho cơ sở thu mua phế liệu. Chất thải không có khả năng tái sử dụng được thu gom vào thùng chứa và thuê đơn vị có chức năng mang đi xử lý.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác dung tích 50 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom tạm chứa trong ngày sau đó thuê đơn vị môi trường địa phương vận chuyển đến nơi tập kết của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị 20 thùng chứa HDPE dung tích 25 lít/thùng đặt tại khu văn phòng, nhà ăn và 02 thùng HDPE dung tích 120 lít/thùng đặt tại khu vực nhà bếp để thu gom rác thải phát sinh sau đó thuê đơn vị môi trường có chức năng vận chuyển trong ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Bố trí 02 công nhân thu gom chất thải rắn phát sinh trong quá trình sơ chế, bảo quản nông sản (vỏ rau củ quả, rau củ quả bị hỏng, thối) vào cuối mỗi buổi làm việc. Hợp đồng với tổ thu gom rác thải của địa phương tới thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật. Tần suất 01 lần/ ngày, khi vào chính vụ có thể tăng lên 02 lần/ngày.

+ Bố trí 02 kho chất thải rắn sản xuất có diện tích 100 m²/kho, gồm 01 kho trong xưởng chế biến nấm, 01 kho trong xưởng chế biến nông sản.

+ Xi than từ hoạt động của lò hơi được tận dụng để trồng cây xanh.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hồ ga, bể phốt, bể tách mỡ: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, nạo vét, tần suất 6 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Trang bị 03 thùng chứa dung tích 100 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định để thu gom chất thải. Bố trí kho chứa chất thải tạm thời cao ráo, quay tôn xung, nền láng xi măng quanh đảm bảo không bị nước mưa thấm dột, có biển báo rõ ràng, diện tích khoảng 5 m². Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định khi kết thúc quá trình thi công xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

- Trang bị 05 thùng chứa có dung tích 100 lít làm bằng nhựa HDPE. Trên mỗi thùng có kí hiệu cảnh báo, hình ảnh và tên các loại chất thải nguy hại. Bố trí 01 kho chứa chất thải diện tích 10 m² (bố trí trong nhà kho chứa nguyên vật liệu), có cửa ra vào, biển báo theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Trang bị các trang thiết bị PCCC (trụ cứu hỏa, bể PCCC), bố trí các đèn chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, bình bột chữa cháy tại các khu vực thuận tiện, dễ nhìn. Tiến hành huấn luyện về PCCC cho cán bộ, công nhân.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho cán bộ vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra. Khi hệ thống xảy ra sự cố kéo dài phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 điểm tại khu vực công ra vào; 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng/lắp đặt máy móc thiết bị).

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát nước thải thi công

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, NH₄⁺, N_{tổng}, P_{tổng}, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Fe, Mn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mức B, giá trị C_{max}.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định

- Tần suất: Giám sát thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải theo quy định tại khoản 1, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tổ chức hoạt động giám sát chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của dự án./.